

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/9/2023.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 452/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Hồng Tr**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HM, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải C**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HM, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17/7/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Tr trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2018 chị Phan Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Hải C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chị Tr và anh C được gia đình hai bên tổ

chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TS, huyện HD, tỉnh KG; được UBND xã TS cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2018. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu chị Tr và anh C chung sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2023 giữa chị và anh C đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là do anh C không lo làm ăn, không lo cho vợ con, nhiều lần chị Tr khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi nên dẫn đến việc chị Tr và anh C thường xuyên cự cãi nhau; hiện nay chị và anh C đã sống ly thân với nhau, trong thời gian sống ly thân chị Tr và anh C không còn liên lạc gì nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ chung vợ chồng. Chị Tr thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị với anh C không còn và không thể hàn gắn được nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hải C.

Về con chung: Chị Tr khai rằng chị và anh C có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hải Minh D, sinh ngày 18/4/2019 (hiện cháu D đang do chị Tr nuôi dưỡng). Ly hôn chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hải Minh D cho đến tuổi thành niên và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr trình bày, chị và anh C không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hải C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Hải C đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Hồng Tr.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị Hồng Tr vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Tr về việc xin ly hôn và yêu cầu nuôi con.

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Phan Thị Hồng Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hải C;

Về con chung: Giao cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Minh D, sinh ngày 18/4/2019 cho đến tuổi thành niên;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Phan Thị Hồng Tr yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hải C. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình mà bị đơn Nguyễn Hải C có nơi cư trú tại ấp HM, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Nguyễn Hải C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Phan Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Hải C thiết lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện; chị Tr và anh C có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị Phan Thị Hồng Tr với anh Nguyễn Hải C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân: HĐXX thấy rằng sau thời gian chung sống hạnh phúc với nhau thì giữa chị Tr và anh C có phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng về quan điểm sống, giữa hai người không có tiếng nói chung; cũng như chị Tr trình bày do anh C không lo làm kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con, mặc dù nhiều lần chị đã khuyên ngăn nhưng anh C không sửa đổi nên dẫn đến việc chị và anh C thường xuyên cự cãi nhau trong một thời gian dài; Cho nên đến đầu năm 2023 chị Tr và anh C sống ly thân với nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì chị và anh C không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Tr đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Tr vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh C. Hơn nữa, Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh C cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Tr. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị Tr và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Hồng Tr đối với anh Nguyễn Hải C.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và sau nghị án HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị Phan Thị Hồng Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hải C.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Giữa chị Tr và anh C có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hải Minh D, sinh ngày 18/4/2019. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh D cho đến tuổi thành niên.

HĐXX xét thấy; yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Tr là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; sau khi chị Tr và anh C sống ly thân với thì cháu Nguyễn Hải Minh D là do chị Tr nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Minh D còn rất nhỏ (sinh ngày 18/4/2019) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, nhằm để cho cháu Minh D ổn định cuộc sống và phát triển tốt hơn về sau thì việc giao Nguyễn Hải Minh D cho chị Phan Thị Hồng Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, HĐXX thống nhất giao Nguyễn Hải Minh D cho chị Phan Thị Hồng Tr được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Tr trình bày chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX miễn xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo chị Tr trình bày, giữa chị và anh C không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tại phiên tòa là có cơ sở được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì chị Phan Thị Hồng Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Hồng Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hải C.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Minh D, sinh ngày 18/4/2019 cho chị Phan Thị Hồng Tr được nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Tr không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Trong thời gian chị Tr nuôi con chung; anh C có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Hồng Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000125, ngày 01/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh KG. Như vậy, chị Tr không phải nộp thêm, anh C không phải nộp án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TÀ tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp